TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-PT
Ngày: 07 - 4 - 2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn.

Ông Trần Bá Kha.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông C, sinh năm 1968 và bà H1, sinh năm 1970; Đều có mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông T, sinh năm 1967 và bà N, sinh năm 1963; Đều có mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh H2, sinh năm 1990; Vắng mặt.

3.2. Anh Đ, sinh năm 1994; Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H2 và anh Đ: Ông T, sinh năm 1967 (theo giấy ủy quyền ngày 20/4/2021); Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông C và bà H1 trình bày:***

Cha của ông bà tên S và mẹ của ông bà tên U đều đã chết, sinh thời ông S và bà U có khai phá sử dụng diện tích đất khoảng 9.700m^2, tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Trong diện tích đất nói trên diện tích đất 3.805m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, thửa số 30997.3-1.132, tờ bản đồ 3-1, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dung đất số HY 003600 ngày 06/3/2006. Vị trí: 01 cạnh giáp đất ông C1, 01 cạnh giáp với đất ông T và bà N, 01 cạnh giáp với Sông Cái Lớn, 01 cạnh giáp đất với Kênh Hậu 500. Trong quá trình sử dụng đất từ năm 2002 đến nay, ông T và bà N nhiều lần múc con mương nước và lấn qua phần bờ của ông bà chiều ngang 01m, chiều dài 500m. Vào ngày 27/10/2015 các anh chị em của ông bà họp gia đình giao lại cho ông bà sử dụng.

Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà N cùng các con anh H2 và anh Đ phải trả lại cho ông bà diện tích đất lấn chiếm sử dụng theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ là 930,4m^2 gồm 03 đoạn: Đoạn thứ nhất 238,5m^2, đoạn thứ hai 88,8m^2, đoạn thứ ba 630,1m^2; tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, ngoài ra ông bà không yêu cầu gì khác.

Ông bà yêu cầu thu thập chứng cứ đối với ông Đ1 và ông T1, cư trú ở Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**** Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Tvà bà N, đồng thời ông Tlà người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H2 và anh Đ trình bày:***

Ông bà có diện tích đất 8.499m^2, tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang ngang theo sơ đồ ông bà cũng không biết có diện tích ngang bao nhiêu mét và dài bao nhiêu mét được Ủy ban nhân dân huyện AB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 038100, thửa số: 130 và 131, tờ bản đồ 3-1, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 000557 ngày 05/3/2003. Vị trí: 01 cạnh giáp ông C và bà H1, 01 cạnh giáp với Sông Cái Lớn, 01 cạnh giáp đất bà L1 và bà H2, 01 cạnh giáp với Kênh Hậu 500. Trong đó, có con mương ngang khoảng 1,5m x dài khoảng 500m giáp với phần bờ của ông C và bà H1 do ông Y2 sử dụng từ năm 1980 đến năm 2000 chuyển quyền sử dụng cho ông bà sử dụng đến nay, có ông C2, ông T2, bà L1 và bà H2, cùng cư trú Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang biết.

Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết bác toàn bộ yêu cầu của ông C và bà H1. Ông bà yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất xem xét, thẩm định tại chỗ là 930,4m^2, gồm đoạn thứ nhất 238,5m^2 ; đoạn thứ hai 88,8m^2; đoạn thứ ba 630,1m^2; tọa lạc tại

Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của gia đình ông bà gồm ông T, bà N, anh H2 và anh Đ, ngoài ra ông bà không yêu cầu gì khác.

**** Người làm chứng ông C2 trình bày*:**

Sự việc tranh chấp đường mương nước giữa gia đình ông C, bà H1 với gia đình ông T, bà N là do ông T, bà N muốn sử dụng riêng con mương cho gia đình mình, không muốn sử dụng chung với gia đình ông C. Nguồn gốc con mương đang tranh chấp có từ khi ông còn nhỏ. Trước đây là sử dụng chung giữa gia đình ông S là cha của ông C và ông Y2 là cha của bà N, sau đó cho ông T, bà N sử dụng thì ông là người trực tiếp đo từ nửa con mương trở về phía ông C thì của ông S và ông C sử dụng đến nay. Ông xác định trước năm 1983, diện tích đất đang tranh chấp giữa ông C, bà H1 và ông T, bà N sử dụng chung, từ năm 1983 đến nay (năm 2019) gia đình ông T sử dụng, khoảng năm 2019 xảy ra tranh chấp thì ông không rõ con mương tranh chấp trước đây là của ai.

**** Người làm chứng bà L1 trình bày*:**

Nguyên nhân sự việc tranh chấp đất giữa gia đình ông C, bà H1 với gia đình ông T, bà N là do ông T, bà N muốn sử dụng riêng cho gia đình mình, không muốn sử dụng chung với gia đình ông C. Con mương tranh chấp này trước đây là sử dụng chung giữa gia đình ông S là cha của ông C và ông Y2 là cha của bà N. Sau này ông S giao lại cho gia đình ông C sử dụng và phía ông Yên giao lại cho gia đình ông T sử dụng đến nay. Bà xác định nguồn gốc đất đang tranh chấp (con mương) trước năm 1983 giữa ông C, bà H1 và ông T, bà N sử dụng chung, từ năm 1983 đến nay (năm 2019) gia đình ông T sử dụng, khoảng năm 2019 xảy ra tranh chấp thì bà không rõ con mương tranh chấp trước đây là của ai.

**** Người làm chứng bà H2 trình bày*:**

Nguyên nhân sự việc tranh chấp đất giữa gia đình ông C, bà H1 với gia đình ông T, bà N là do bà N nạo vét con mương nhiều lần nếu có lở qua phần đất gia đình ông C, bà H1. Bà sinh sống cùng xóm với các đương sự tranh chấp quyền sử dụng đất từ trước đến nay, bà biết được diện tích đất tranh chấp (con mương) là của ông Y2 cha ruột của bà N đào, sau đó chuyển nhượng lại cho ông T và bà N sử dụng cho đến nay.

**** Người làm chứng ông Đ1 trình bày:***

Nguyên nhân sự việc tranh chấp đất giữa gia đình ông C, bà H1 với gia đình ông T, bà N là do con mương của ông Y2 đào sử dụng, sau này ông T và bà N muốn sử dụng riêng, không cho ông C và bà H1 sử dụng chung. Ông sinh sống cùng xóm với các đương sự tranh chấp quyền sử dụng đất từ trước đến nay, ông biết được diện tích đất tranh chấp (con mương) là của gia đình ông T và bà N, còn phía ông C và bà H1 chỉ sử dụng cái bờ, trong quá trình sử dụng do khoát móc bờ bên ông C làm cho diện tích mương lớn ra nên tranh chấp đến nay. Ông xác định diện tích đất tranh chấp trên thuộc quyền sử dụng của ông T và bà N, nhưng do ông T và bà N có đào vét mương

nhiều lần có lở qua phần đất của ông C và bà H1 sử dụng nên xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông C, bà H1 và gia đình ông T, bà N. Ông là cậu và dượng của ông C, bà H1, ông T, bà N, sinh sống gần diện tích đất đang tranh chấp từ trước đến nay.

**** Người làm chứng ông T2 trình bày:***

Nguyên nhân sự việc tranh chấp đất giữa gia đình ông C, bà H1 với gia đình ông T, bà N thì ông không nắm rõ, ông chỉ là người ở cùng xóm, không quan hệ họ hàng thân thích. Ông biết con mương đã có từ rất lâu, con mương này dùng đường nước công cộng sử dụng chung.

**** Người làm chứng ông T1 trình bày:***

Trước đây ông làm Ban Lãnh đạo Ấp L, xã Y, việc tranh chấp đất giữa gia đình ông C, bà H1 với gia đình ông T, bà N thì ông không nắm rõ. Ông xác định con mương giữa các đương sự tranh chấp đã có từ rất lâu, ông không biết là do ai đào, chỉ biết con mương này dùng để sử dụng chung cho các đương sự, chứ không riêng của ai.

**** Tại Công văn số: 290/UBND-NCPC ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang có ý kiến như sau*:**

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AC 516782 được Ủy ban nhân dân huyện AB cấp ngày 06 tháng 3 năm 2006 cho hộ ông S tại thửa số: 30997.3-1.132, tờ bản đồ số: 3-1, diện tích 3.805,0 mét vuông, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là cấp cho hộ ông S tại thời điểm cấp chứng nhận Quyền sử dụng đất không có chủ trương điều tra nhân hộ khẩu nên huyện không xem xét.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 038100 được Ủy ban nhân dân huyện AB cấp ngày 05 tháng 3 năm 2003 cho hộ bà N tại thửa số: 130 và 131, tờ bản đồ số: 3-1, mục đích: Đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm và đất 2 vụ lúa, diện tích 8.499 mét vuông, đất tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là cấp cho cá nhân bà N nhưng do quá trình in ấn ghi "hộ" bà N là có sai sót.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang và tờ trích đo địa chính số: ĐT 233-2020 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Qua đối chiếu đo đạc lập phương án bồi thường đường ven sông Cái Lớn do phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 20/9/2018 của Công ty cổ phần bất động sản Kiên Giang thì các diện tích: 238,5 mét vuông có cạnh 8-9-10-4-3-2, diện tích: 88,8 mét vuông có cạnh 18-19-30-31-22-21-20-16 đều nằm trong thửa đất số: 130 và 131, tờ bản đồ 3-1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N, cấp theo thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất.

Diện tích đất 238,5 mét vuông có các cạnh 8-9-10-4-3-2, diện tích đất 88,8 mét vuông có các cạnh 18-19-16-15 và diện tích đất 630,1 mét vuông có các cạnh 19-29-

30-31-22-21-20-16 nằm trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: W 038100, thửa đất số: 130 và 131, tờ bản đồ số: 3-1 do bà N đứng tên quyền sử dụng đất, trên sơ đồ địa chính đứng tên ông Y2.

**** Tại bản án dân sự số: 51/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang quyết định***:

Bác toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn ông C, bà H1 yêu cầu ông T, bà N cùng anh H2, anh Đ trả lại cho ông bà diện tích đất 930,4 mét vuông, tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Chấp nhận khởi kiện phản tố của bị đơn ông T và bà N.

Công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 930,4 mét vuông (mương và 01 phần bờ), tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang có vị trí như sau: Cạnh 2-8 giáp lộ nông thôn thuộc Ấp L ngang 0,40 mét; Cạnh 8-9-10-18-19-29-30-31 giáp đất ông C, bà H1 đang sử dụng dài 492,02 mét (51,37m + 67,11m + 49,72m + 176,00m + 93,82m + 54,00m); Cạnh 2-3-4-15-16-20-21-22 giáp đất ông T, bà N đang sử dụng dài 491,60 mét (51,40m + 67,30m + 49,50m + 176,00m + 93,80m + 53,60m); Cạnh 31-22 giáp Kênh Hậu 500 ngang 2,50 mét theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện AB và Tờ trích đo địa chính số: ĐT 233-2020 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của ông T, bà N, anh H2, anh Đ và giữ nguyên hiện trạng các tài sản trên đất cho ông T, bà N, anh H2, anh Đ tiếp tục sử dụng. Nghiêm cấm mọi hành vi chiếm giữ, ngăn cản, cản trở việc sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà N, anh H2, anh Đ.

Cần điều chỉnh tại cạnh 1-2-8 giáp lộ nông thôn thuộc Ấp L theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện AB và Tờ trích đo địa chính số: ĐT 233-2020 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB, tỉnh Kiên Giang thì các diện tích đất cụ thể như sau:

Diện tích đất ông T, bà N, anh H2 và anh Đ được sử dụng có các cạnh: Cạnh 1-2 giáp lộ nông thôn thuộc Ấp L ngang 16,50 mét; Cạnh 2-9-10-18-19-29-30-31 giáp đất ông C, bà H1 dài 492,05 mét (51,40m + 67,11m + 49,72m + 176,00m + 93,82m + 54,00m); Cạnh 31-22-23 giáp Kênh Hậu 500 ngang 5,50 mét (2,50m + 3,00m); Cạnh 23-24-25-26-17-14-5-6-7-1 giáp đất bà L1 và bà H2 dài 492,02 mét (55,00m + 93,60m + 17,90m + 157,80m + 47,20m + 68,30m + 24,30m + 28,60m);

Diện tích đất ông C, bà H1 được sử dụng có các cạnh: Cạnh 2-8-11 giáp lộ nông thôn thuộc Ấp L ngang 19,80 mét; Cạnh 11-12-13-27-28-32-33-34 giáp đất ông C1 dài 493,60 mét (50,30m + 65,10m + 51,50m + 175,90m + 94,00m + 56,80m); Cạnh 34-31 giáp Kênh Hậu 500 ngang 18,90 mét; Cạnh 2-9-10-18-19-29-30-31 giáp đất ông T, bà N dài 492,05 mét (51,40m + 67,11m + 49,72m + 176,00m + 93,82m + 54,00m);

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

**** Ngày 30/12/2021, nguyên đơn ông C và bà H1 kháng cáo với nội dung***: Yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm và công nhận cho ông C, bà H1 diện tích đất 930,4m^2, tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang mà vợ chồng ông T và bà N đã lấn chiếm.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm*:**

- Nguyên đơn ông C và bà H1 yêu cầu bị đơn ông T, bà N trả lại diện tích đất lấn chiếm đang tranh chấp chiều ngang 0,5m chạy dài theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang, đất tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn ông T, bà N yêu cầu không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông C và bà H1.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông C và bà H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; kết quả tranh luận tại phiên tòa của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông C và bà H1 yêu cầu bị đơn ông Tbà N trả lại diện tích đất lấn chiếm đang tranh chấp chiều ngang 0,5m chạy dài theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang, đất tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nội dung vụ án: Diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông C và bà H1 với bị đơn ông T, bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H2, anh Đ.

Diện tích đất của nguyên đơn ông C, bà H1 theo sơ đồ địa chính (Sơ đồ 14) và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AC 516782 được Ủy ban nhân dân huyện

AB cấp ngày 06 tháng 3 năm 2006 cho hộ ông S tại thửa số: 30997.3-1.132, tờ bản đồ số: 3-1 là 9.926 mét vuông (thửa 132 diện tích 3.805 mét vuông + thửa 133 diện tích 6.157 mét vuông). Qua đo đạc thực tế theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện AB và Tờ trích đo địa chính số: ĐT 233-2020 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB, tỉnh Kiên Giang của ông C, bà H1 tự xác định chỉ đo đạc diện tích đất, tính cả diện tích đất bị thu hồi làm đường ven sông Cái Lớn (205,67 mét vuông) là 9.397,87 mét vuông.

Diện tích đất của bị đơn ông T, bà N theo sơ đồ địa chính (Sơ đồ 14) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 038100 được Ủy ban nhân dân huyện AB cấp ngày 05 tháng 3 năm 2003 cho hộ bà N tại thửa số: 130 và 131, diện tích là 8.499 mét vuông. Qua đo đạc thực tế theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện AB và Tờ trích đo địa chính số: ĐT 233-2020 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB, tỉnh Kiên Giang của ông T, bà N tự xác định chỉ đo đạc diện tích đất, tính cả diện tích đất bị thu hồi làm đường ven sông Cái Lớn (260,87 mét vuông) là 8.235,47 mét vuông.

Diện tích đất đang tranh chấp nêu trên nguyên đơn ông C, bà H1 và bị đơn ông T, bà N, người làm chứng ông C2 , bà L1, bà H2, ông Đ1 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều xác định trước năm 1983 gia đình ông S là cha của ông C, bà H1 và gia đình ông Y2 là cha của ông T, bà N cùng sử dụng chung. Đến năm 1983, ông Y2 chuyển quyền sử dụng đất lại cho bà N sử dụng thì gia đình ông T, bà N sử dụng liên tục đến năm 2019 thì phát sinh tranh chấp.

Tại công văn số: 290/UBND-NCPC ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện AB, xác định diện tích đất tranh chấp đều nằm trong thửa đất số: 130 và 131, tờ bản đồ 3-1 đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà N thuộc gia đình ông T, bà N sử dụng đến nay.

[2.2] Xét khởi kiện của nguyên đơn ông C và bà H1 yêu cầu ông T, bà N cùng anh H2, anh Đ phải trả lại cho ông bà diện tích đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ là 930,4m^2 gồm 03 đoạn: Đoạn thứ nhất 238,5m^2; đoạn thứ hai 88,8 m^2; đoạn thứ ba 630,1m^2 đất tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang do ông T, bà N, anh H2, anh Đ sử dụng lấn chiếm sang đất của ông bà là 01m con mương.

Xét thấy, yêu cầu ông C, bà H1 không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh là ông bà có được quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp nói trên, theo sơ đồ địa chính (Sơ đồ 14) thì giữa hai diện tích đất của các đương sự liền kề giáp ranh với nhau, không có diện tích đất công cộng nào sử dụng chung giữa gia đình ông C, bà H1 và gia đình ông T, bà N. Ngoài ra, ông C và bà H1, cũng như lời khai của người làm chứng như ông Đ1 xác định trong quá trình sử dụng thì ông T, bà N có đào vét mương nhiều lần sang bờ của ông C, bà H1 là không đúng thực tế, vì các ông bà đều xác định con mương tranh chấp hiện trạng ban đầu là 02 mét ngang, nhưng đo đạc

thực tế theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2020 chiều ngang của con mương đang tranh chấp chỗ rộng nhất chỉ có 1,7 mét, nhỏ hơn hiện trạng diện tích con mương mà ông C, bà H1, ông Đ1 xác định, cũng không có lập biên bản sự việc xảy ra việc ông T, bà N có đào vét con mương lấn ra nên không có căn cứ chấp nhận trong quá trình sử dụng đất ông T, bà N có đào vét con mương lấn sang đất của ông C, bà H1. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C và bà H1 về việc yêu cầu ông T, bà N, anh H2 và anh Đ trả diện tích đất lấn chiếm 930,4m^2 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông Tvà bà N yêu cầu công nhận diện tích đất 930,4m^2, gồm đoạn thứ nhất 238,5 m^2, đoạn thứ hai 88,8m^2, đoạn thứ ba 630,1m^2, tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của gia đình ông bà gồm ông T, bà N, anh H2 và anh Đ.

Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Công văn số: 290/UBND-NCPC ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện AB xác định, diện tích đất tranh chấp nói trên đều nằm trong thửa đất số: 130 và 131, tờ bản đồ 3-1 đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà N thuộc gia đình ông T, bà N, anh H2, anh Đ sử dụng, việc này ông C, bà H1 cũng thừa nhận là diện tích đất tranh chấp nói trên từ trước đến nay ông bà không S dụng mà đến năm 2019 ông bà sử dụng thì gia đình ông T, bà N không cho sử dụng nên phát sinh tranh chấp phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Công, bà Lan, bà Hương, ông Đ1. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Tvà bà N, công nhận quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 930,4 m^2, đất tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang và giữ nguyên hiện trạng các tài sản trên đất cho ông T, bà N tiếp tục sử dụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Cấp sơ thẩm nhận định, đối chiếu với sơ đồ giải thửa theo sơ đồ địa chính (sơ đồ 14) thì hiện trạng diện tích đất của gia đình ông T và bà N sử dụng có phần tại cạnh 1-2-8 giáp lộ nông thôn thuộc Ấp L ngang 16,90 mét là chưa phù hợp với sơ đồ địa chính (sơ đồ 14), Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện AB và Tờ trích đo địa chính số: ĐT 233-2020 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông C và bà H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông C và bà H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

600.000 đồng đã nộp theo các biên lai thu số 0004633 và 0004634 cùng ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông C và bà H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 163, Điều 164, Điều 166 và Điều 169 của Bộ luật dân sự; các Điều 166, Điều 170, Điều 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C và bà H1 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với bị đơn ông T, bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H2, anh Đ.

Diện tích đất tranh chấp là 930,4m^2, đất tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Tvà bà N về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với nguyên đơn ông C và bà H1.

2.1. Công nhận cho bị đơn ông T, bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H2, anh Đ được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 930,4m^2 (mương và 01 phần bờ), đất tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Bị đơn ông T, bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H2, anh Đ tiếp tục quản lý sử dụng các tài sản trên đất.

2.3. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở việc sử dụng đất hợp pháp của bị đơn ông Tvà bà N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H2, anh Đ theo quy định pháp luật về đất đai.

Vị trí, ranh giới thửa đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang và Tờ trích đo địa chính số: ĐT 233-2020 ngày 22/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB, tỉnh Kiên Giang đất có vị trí như sau:

+ Cạnh 2-8 giáp lộ nông thôn thuộc Ấp L ngang 0,40m;

+ Cạnh 8-9-10-18-19-29-30-31 giáp đất ông C và bà H1 đang sử dụng dài 492,02m (51,37m + 67,11m + 49,72m + 176,00m + 93,82m + 54,00m);

+ Cạnh 2-3-4-15-16-20-21-22 giáp đất ông Tvà bà N đang sử dụng dài 491,60m (51,40m + 67,30m + 49,50m + 176,00m + 93,80m + 53,60m);

+ Cạnh 31-22 giáp Kênh Hậu 500 ngang 2,50m.

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các đương sự phù hợp với diện tích đất thực tế theo nội dung quyết định của bản án khi đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Về chi phí tố tụng:

4.1. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc nguyên đơn ông C và bà H1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.803.000 đồng theo hóa đơn GTGT số 0001664 ngày 20/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn ông C và bà H1 đã nộp đủ.

4.2. Chi phí định giá tài sản: Buộc nguyên đơn ông C và bà H1 phải chịu chi phí định giá tài sản là 3.300.000 đồng theo hóa đơn GTGT số 0000211 ngày 06/7/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn định giá Thịnh Vượng. Nguyên đơn ông C và bà H1 đã nộp đủ.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông C và bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0008441 ngày 11/02/2020 và số 0004506 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Ông C và bà H1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo các biên lai trên.

Hoàn trả cho bị đơn ông T và bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007235 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc nguyên đơn ông C và bà H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0004634 và số 0004633 cùng ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện AB;
- Chi cục THADS huyện AB;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Đảo